



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Kinh doanh số

0103018458

ngày 23 tháng 7 năm 2007

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số

0102325399

ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 ngày 24 tháng 1 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Đầu tư số

2357762445

ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà
Nguyễn Thị Phương Thảo
Nguyễn Thanh Hùng
Chu Việt Cường
Lưu Đức Khánh
Đình Việt Phương

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Lương Thế Phúc

Thành viên

(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo
Lưu Đức Khánh
Nguyễn Đức Tâm
Lương Thế Phúc
Đình Việt Phương
Nguyễn Thị Thúy Bình
Tô Việt Thắng
Nguyễn Đức Thịnh
Trần Hoài Nam
Đỗ Xuân Quang

Tổng Giám đốc
Giám đốc Điều hành
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 23 tháng 1 năm 2018)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2018)
Giám đốc Tài chính
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Nguyễn Thanh Sơn

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 4 năm 2018)

Noraesyah Yvonne Binti Abdullah

Giám đốc Tài chính

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Đoàn Thu Hương
Phạm Văn Đầu

Phạm Minh Hà

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

302/3 Đường Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 4 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-258-2




Chông Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	17.668.643.983.650	10.313.466.695.796
Tiền và các khoản tương đương tiền	110 5	6.861.601.955.584	2.741.341.465.691
Tiền	111	2.824.391.955.584	1.086.741.465.691
Các khoản tương đương tiền	112	4.037.210.000.000	1.654.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.400.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	10.223.453.944.832	7.128.756.627.068
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131 6	1.447.857.870.382	1.758.360.196.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132 7(a)	533.003.878.162	91.313.966.035
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135 8	487.333.764.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136 9(a)	7.755.258.432.288	5.279.082.464.806
Hàng tồn kho	140 10	267.181.519.500	137.930.296.755
Tài sản ngắn hạn khác	150	315.006.563.734	304.038.306.282
Chi phí trả trước ngắn hạn	151 15(a)	218.686.791.604	241.502.028.011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	881.949.735	5.682.750.824
Thuế phải thu Nhà Nước	153 17(b)	95.437.822.395	56.853.527.447

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	31/12/2017	1/1/2017
	số	minh	VND	VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		13.989.621.257.774	9.749.234.828.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.152.674.330.646	5.104.774.400.197
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	6.451.174.330.646	4.403.274.400.197
Tài sản cố định	220		1.528.720.840.609	1.047.218.102.390
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.523.538.521.104	1.039.794.508.192
Nguyên giá	222		1.676.961.819.773	1.102.569.142.629
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(153.423.298.669)	(62.774.634.437)
Tài sản cố định vô hình	227	12	5.182.319.505	7.423.594.198
Nguyên giá	228		29.680.011.655	27.580.216.155
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.497.692.150)	(20.156.621.957)
Tài sản dở dang dài hạn	240		222.031.597.270	181.302.243.599
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	222.031.597.270	181.302.243.599
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	68.424.629.818	68.424.629.818
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		5.017.769.859.431	3.347.515.452.927
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	5.017.769.859.431	3.347.515.452.927
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		31.658.265.241.424	20.062.701.524.727

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		21.064.130.723.313	15.328.679.347.088
Nợ ngắn hạn	310		13.911.511.198.702	10.570.076.600.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	560.253.025.326	391.117.403.830
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		456.356.000.505	306.908.790.544
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	93.848.331.921	197.975.487.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.366.768.242.056	492.497.152.683
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.964.462.207.817	1.306.836.634.360
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.105.583.155.915	528.665.316.650
Vay ngắn hạn	320	21(a)	6.897.226.897.293	6.102.386.845.285
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	1.467.013.337.869	1.243.688.969.137
Nợ dài hạn	330		7.152.619.524.611	4.758.602.746.758
Phải trả dài hạn khác	337		13.702.723.680	17.436.536.908
Vay dài hạn	338	21(b)	626.905.284.322	694.840.299.644
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	147.546.321.044	82.471.339.722
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	6.364.465.195.565	3.963.854.570.484
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.594.134.518.111	4.734.022.177.639
Vốn chủ sở hữu	410	24	10.594.134.518.111	4.734.022.177.639
Vốn cổ phần	411	25	4.513.432.840.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		245.949.492.805	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		23.916.098.372	29.673.324.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.809.062.955.579	1.702.862.911.199
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.773.131.355	1.485.942.037
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.658.265.241.424	20.062.701.524.727

Ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	42.302.758.277.806	27.499.296.237.637
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	185.595.188	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	42.302.572.682.618	27.499.296.237.637
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	35.753.175.886.701	23.597.459.394.556
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.549.396.795.917	3.901.836.843.081
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	118.683.815.564	144.656.340.136
Chi phí tài chính	22	31	520.764.518.091	653.948.554.956
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		237.597.428.875	180.732.739.883
Phần lỗ trong các công ty liên kết	24		(44.276.615.962)	(14.605.462.081)
Chi phí bán hàng	25	32	578.782.913.704	517.790.332.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	225.808.906.918	188.801.029.582
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		5.298.447.656.806	2.671.347.804.102
Thu nhập khác	31		5.745.444.926	31.852.848.762
Chi phí khác	32		1.554.224.633	54.588.241
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.191.220.293	31.798.260.521
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.302.638.877.099	2.703.146.064.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	163.912.482.079	156.246.350.074
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	65.074.981.322	50.912.671.620
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.073.651.413.698	2.495.987.042.929

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.073.651.413.698	2.495.987.042.929
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		5.073.364.224.380	2.495.640.185.684
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		287.189.318	346.857.245
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	11.356	6.562

Ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.302.638.877.099	2.703.146.064.623
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	94.989.734.425	45.873.196.847
Các khoản dự phòng	03	-	53.085.360.121
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03	277.580.251.779	442.283.153.862
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.586.837.437	(50.494.265.652)
Lãi tiền gửi và cho vay	05	(70.603.613.358)	(55.494.512.525)
Phần lỗ trong các công ty liên kết	05	44.276.615.962	14.605.462.081
Cổ tức được chia	05	(3.068.690.000)	(1.180.266.000)
Chi phí lãi vay	06	237.597.428.875	180.732.739.883
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.888.997.442.219	3.332.556.933.240
Biến động các khoản phải thu	09	(2.794.306.394.758)	(2.628.501.734.577)
Biến động hàng tồn kho	10	(129.251.222.745)	26.497.826.117
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.824.012.605.198	848.242.406.191
Biến động chi phí trả trước	12	1.344.397.355.809	275.392.428.650
		6.133.849.785.723	1.854.187.859.621
Tiền lãi vay đã trả	14	(236.852.306.374)	(177.942.929.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(318.798.833.058)	(40.220.855.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	5.578.198.646.291	1.636.024.074.395
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(325.491.665.092)	(1.859.421.262.131)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21	(2.296.535.249.533)	(1.286.462.375.174)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(1.400.000.000)
Tiền chi cho vay	23	(487.333.764.000)	-
Tiền thu hồi công cụ nợ từ các đơn vị khác	24	-	270.000.000.000
Tiền chi tiền đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(60.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	64.280.330.441	105.910.808.415
Tiền thu cổ tức nhận được	27	3.068.690.000	1.180.266.000
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(3.042.011.658.184)	(2.830.192.562.890)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.759.382.332.805	71.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	25.899.054.643.065	21.249.914.036.344
Tiền chi trả nợ gốc vay	33	(25.184.711.574.405)	(18.035.136.049.967)
Tiền chi trả cho hợp đồng hợp tác đầu tư	34	-	(300.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(876.827.065.550)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	1.596.898.335.915	2.986.277.986.377
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.133.085.324.022	1.792.109.497.882
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.741.341.465.691	923.512.917.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(7.067.608.098)	6.624.195.754
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	61	(5.757.226.031)	19.094.854.360
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	6.861.601.955.584	2.741.341.465.691

Ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM ngày 6 tháng 2 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, với mã giao dịch là VJC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng không và mua bán máy bay.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 5 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Tên	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
<i>Các công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa.	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	British Virgin Islands	Mua bán máy bay.	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2017	1/1/2017
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	British Virgin Islands	Mua bán máy bay.	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Singapore	Mua bán máy bay.	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Ireland	Mua bán máy bay.	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
Skymate Limited (*)	Cayman Islands	Mua bán máy bay.	Số 327015 ngày 15 tháng 9 năm 2017	100%	-
<i>Công ty liên kết</i> Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến du lịch và các dịch vụ liên quan khác.	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (**)	Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận chuyển hàng không.	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	10%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này. Hoạt động của các công ty này chủ yếu được hỗ trợ bởi Công ty.

(**) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 3.162 nhân viên (1/1/2017: 2.494 nhân viên).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư vào công cụ nợ mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng, hợp đồng hợp tác đầu tư và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

(f) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng máy bay được ghi nhận là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ (APU). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng máy bay nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ máy bay và các bộ phận | 20 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyên | 6 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy bay chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng máy bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng máy bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất máy bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng máy bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng máy bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế cho tới lần bảo dưỡng tiếp theo. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hành khách

Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu vận chuyển hàng hóa, doanh thu dịch vụ hành lý, doanh thu từ các dịch vụ khác liên quan đến vận chuyển hành khách, doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế và doanh thu quảng cáo và hoa hồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp.

Doanh thu dịch vụ hành lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển hành khách liên quan được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn.

Doanh thu từ dịch vụ khác liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi tính cho hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng.

(iii) Doanh thu cho thuê chuyến bay

Doanh thu cho thuê chuyến bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu cho thuê máy bay

Doanh thu cho thuê máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu bán máy bay

Doanh thu bán máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu máy bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng máy bay bị trả lại.

Giao dịch bán và thuê lại máy bay

Tập đoàn có các giao dịch bán và thuê lại máy bay là giao dịch mà trong đó khi máy bay được Tập đoàn bán và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu tiền thuê và giá bán được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.
- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được ghi nhận ngay trong năm phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm bán và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.

(vi) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(viii) Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có 2 bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê máy bay và quảng cáo trên máy bay (gọi chung là “dịch vụ hàng không”); và
- Mua bán máy bay.

Trừ các hoạt động nêu trên, Tập đoàn không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành một bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong Thuyết minh 28 và Thuyết minh 29 của báo cáo tài chính hợp nhất. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không phân bổ được.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên các báo cáo đã được soát xét và sử dụng để ra quyết định chiến lược của Tập đoàn.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Tập đoàn được trình bày theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Trong Việt Nam	14.164.060.449.620	11.383.297.393.344
Ngoài Việt Nam	28.138.512.232.998	16.115.998.844.293
	<hr/>	
	42.302.572.682.618	27.499.296.237.637
	<hr/>	

Tài sản và chi tiêu vốn theo bộ phận của Tập đoàn chủ yếu là ở Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	8.740.285.221	2.543.172.753
Tiền gửi ngân hàng	2.407.681.670.363	1.084.198.292.938
Tiền đang chuyển	407.970.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	4.037.210.000.000	1.654.600.000.000
	6.861.601.955.584	2.741.341.465.691

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% trong năm (2016: từ 4,5% đến 5,6%) cho các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND và không hưởng lãi cho các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 300.000 triệu VND (1/1/2016: 175.000 triệu VND) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	1.206.074.957.438	1.556.774.827.960
Aviation Solutions (Thailand) Co., Ltd	72.928.310.709	72.860.587.484
World Go International Co., Ltd	20.050.350.612	38.556.753.163
Khách hàng khác	148.804.251.623	90.168.027.620
	1.447.857.870.382	1.758.360.196.227

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
World Go International Co., Ltd, một bên liên quan khác	20.050.350.612	38.556.753.163
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	192.134.116	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan khác	60.199.199	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Mỹ An, một bên liên quan khác	3.432.000	51.342.000
Công ty Cổ phần Khách Sạn và Du Lịch Thiên Thai, một bên liên quan khác	-	16.500.000

Khoản phải thu từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan		
Trả trước phí tư vấn cho Angelica Holding Limited, một bên liên quan khác (*)	442.728.000.000	-
Trả trước cho việc xây dựng văn phòng cho Công ty Cổ phần Kiến trúc Tư vấn Quản lý Đông Dương, một bên liên quan khác (**)	14.601.834.620	3.432.794.454
Trả trước cho dịch vụ bay cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết (**)	-	14.757.791.669
Các bên thứ ba		
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	6.124.891.332	27.143.242.096
Trả trước khác	69.549.152.210	45.980.137.816
	533.003.878.162	91.313.966.035

(*) Khoản trả trước này sau đó đã được bên liên quan hoàn trả vào ngày 19 tháng 4 năm 2018 (xem thêm thuyết minh 40(b)).

(**) Khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	701.500.000.000

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản trả trước của Tập đoàn để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TĐĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình. Tập đoàn sẽ được nhận 15.547 m² diện tích văn phòng và 13.409 m² diện tích khu dân cư và dự kiến sẽ sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Tập đoàn sau khi dự án hoàn thành, dự kiến trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, dự án vẫn đang được xây dựng theo kế hoạch.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản phải thu về cho vay phản ánh khoản cho AAA Aircraft Asset Company Limited, một bên liên quan vay là 21.501.600 USD để hỗ trợ bên liên quan này trong việc mua máy bay và thanh toán các chi phí liên quan. Khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi suất là 2,5%/năm.

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	410.572.971.721	447.296.489.780
Bên thứ ba		
Đặt cọc mua máy bay trong 12 tháng tiếp theo	5.299.354.253.466	3.462.539.158.419
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	1.620.541.614.727	901.462.143.692
Khoản chiết khấu mua hàng phải thu	207.075.437.945	299.790.648.188
Tạm ứng cho nhân viên	68.562.678.338	40.451.553.468
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	36.240.516.195	14.573.306.867
Phải thu sửa chữa khoang máy bay	9.030.285.032	12.079.587.527
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.029.352.361	1.706.069.444
Trả trước chi phí phát hành cổ phiếu	-	32.409.850.138
Đặt cọc ngắn hạn khác	52.829.252.297	30.296.462.087
Phải thu ngắn hạn khác	43.022.070.206	36.477.195.196
	7.755.258.432.288	5.279.082.464.806

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	468.344.946.987	-
Các bên thứ ba		
Đặt cọc mua máy bay sau 12 tháng tiếp theo	2.129.312.445.671	1.669.592.291.185
Khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	2.931.845.978.926	2.099.900.362.116
Đặt cọc thuê máy bay	869.006.090.209	614.849.191.414
Phải thu dài hạn khác	52.664.868.853	18.932.555.482
	6.451.174.330.646	4.403.274.400.197

Theo thỏa thuận trong tháng 9 năm 2017, thời hạn thu hồi của khoản phải thu 468 tỷ VND từ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	257.446.699.070	-	133.562.282.327	-
Hàng hóa	9.734.820.430	-	4.368.014.428	-
	267.181.519.500	-	137.930.296.755	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 267.182 triệu VND (1/1/2017: 137.930 triệu VND) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.014.972.823.421	57.248.469.944	15.409.457.798	14.938.391.466	1.102.569.142.629
Tăng trong năm	-	-	3.070.846.745	3.103.636.999	6.174.483.744
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	497.848.193.400	70.370.000.000	-	-	568.218.193.400
Số dư cuối năm	1.512.821.016.821	127.618.469.944	18.480.304.543	18.042.028.465	1.676.961.819.773
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.816.828.145	13.011.087.353	11.313.367.599	7.633.351.340	62.774.634.437
Khấu hao trong năm	77.672.093.630	8.780.555.539	1.231.492.582	2.964.522.481	90.648.664.232
Số dư cuối năm	108.488.921.775	21.791.642.892	12.544.860.181	10.597.873.821	153.423.298.669
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	984.155.995.276	44.237.382.591	4.096.090.199	7.305.040.126	1.039.794.508.192
Số dư cuối năm	1.404.332.095.046	105.826.827.052	5.935.444.362	7.444.154.644	1.523.538.521.104

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 16.105 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2017: 11.455 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 851.835 triệu VND (1/1/2017: 888.585 triệu VND) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	27.580.216.155
Tăng trong năm	2.099.795.500
	29.680.011.655
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	20.156.621.957
Khấu hao trong năm	4.341.070.193
	24.497.692.150
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	7.423.594.198
Số dư cuối năm	5.182.319.505

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 10.898 triệu VND đã được phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 6.613 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	181.302.243.599	137.353.932.965
Tăng trong năm	800.463.744.628	1.007.477.052.467
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(568.218.193.400)	(913.682.191.969)
Chuyển sang giá vốn của máy bay đã bán	(191.516.197.557)	(49.846.549.864)
	222.031.597.270	181.302.243.599

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 34.905 triệu VND (2016: 23.050 triệu VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc mua máy bay.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	% sở hữu/quyền biểu quyết	VND	% sở hữu/quyền biểu quyết	VND
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty liên kết				
- Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	10%	60.000.000.000	10%	60.000.000.000
		<hr/>		<hr/>
		60.000.000.000		60.000.000.000
		<hr/>		<hr/>
• Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
- Angelica Holding Limited (*)	10%	-	-	-
		<hr/>		<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
• Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
		<hr/>		<hr/>
		68.424.629.818		68.424.629.818
		<hr/>		<hr/>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào công ty này, một công ty thành lập tại Cayman Islands. Hoạt động chính của công ty này và các công ty con là cung cấp dịch vụ tư vấn và cho thuê máy bay.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí thuê máy bay trả trước	201.055.142.423	227.656.900.271
Chi phí bảo dưỡng máy bay trả trước	14.643.249.582	13.212.911.483
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.988.399.599	632.216.257
	218.686.791.604	241.502.028.011

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng máy bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuê VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.797.822.490.216	172.072.300.904	166.521.757.016	210.909.450.415	189.454.376	3.347.515.452.927
Tăng trong năm	2.840.102.738.976	151.733.786.930	49.520.498.975	94.109.284.258	545.461.111	3.136.011.770.250
Khấu hao trong năm	(1.020.988.125.060)	(3.094.968.923)	(110.144.260.547)	(168.109.508.121)	(280.466.454)	(1.302.617.329.105)
Xóa sổ trong năm	(163.140.034.641)	-	-	-	-	(163.140.034.641)
Số dư cuối năm	4.453.797.069.491	320.711.118.911	105.897.995.444	136.909.226.552	454.449.033	5.017.769.859.431

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	31/12/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
SR Technics Switzerland Ltd	107.542.055.719	-
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	25.305.914.761	243.481.418.499
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	93.936.585.717	-
The Civil Aviation Administration of China's Settlement Center	65.201.167.522	9.586.272.790
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	-	21.849.959.094
Các nhà cung cấp khác	268.267.301.607	116.199.753.447
	<hr/>	<hr/>
	560.253.025.326	391.117.403.830
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Số đã phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	64.969.047.604	1.574.334.339.392	(612.781.648.093)	(956.982.891.090)	-	69.538.847.813
Thuế thu nhập cá nhân	16.980.945.810	266.691.772.560	(259.372.753.119)	-	-	24.299.965.251
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	71.426.557.278	(71.149.994.774)	(276.562.504)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.025.494.427	163.912.482.079	(318.798.833.058)	-	38.860.856.552	-
Các thuế khác	-	3.371.449.305	(3.361.931.348)	-	900	9.518.857
	197.975.487.841	2.079.736.600.614	(1.265.465.160.392)	(957.259.453.594)	38.860.857.452	93.848.331.921

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Số đã phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế nhà thầu nước ngoài	56.853.527.447	(276.562.504)	-	56.576.964.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	38.860.856.552	38.860.856.552
Các thuế khác	-	-	900	900
	56.853.527.447	(276.562.504)	38.860.857.452	95.437.822.395

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí liên quan đến máy bay	1.133.907.718.337	409.026.251.553
Chi phí bảo trì	98.874.443.293	6.587.341.493
Lương tháng 13	46.385.852.941	34.312.991.844
Chi phí lãi vay	5.609.006.900	4.863.884.399
Chi phí khác	81.991.220.585	37.706.683.394
	<hr/>	<hr/>
	1.366.768.242.056	492.497.152.683
	<hr/>	<hr/>

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo	1.964.462.207.817	1.306.836.634.360
	<hr/>	<hr/>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	90.337.114.450	-
Phải trả cho các bên liên quan khác	1.692.894.632	7.676.125.320
Các bên thứ ba		
Lệ phí sân bay phải trả	725.686.963.581	399.300.619.575
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	281.103.539.996	107.423.263.649
Phải trả ngắn hạn khác	6.762.643.256	14.265.308.106
	<hr/>	<hr/>
	1.105.583.155.915	528.665.316.650
	<hr/>	<hr/>

Phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm Thanh toán VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.036.432.585.285	25.899.054.643.065	(25.104.729.049.962)	6.831.894.847.293
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	65.954.260.000	79.360.314.443	(79.982.524.443)	65.332.050.000
	6.102.386.845.285	25.978.414.957.508	(25.184.711.574.405)	6.897.226.897.293

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản vay có đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) (i)			
Khoản vay 1	VND	-	106.812.385.443
Khoản vay 2	USD	873.584.591.673	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) (ii)			
Khoản vay 3	VND	1.913.772.674.679	1.647.157.457.453
Khoản vay 4	USD	1.071.313.513.020	334.867.496.106
Các khoản vay không đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 5	VND	141.151.969.667	340.862.342.163
Khoản vay 6	USD	386.495.000.000	682.060.978.753
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex			
Khoản vay 7	VND	-	118.684.487.400
Ngân hàng TMCP Quân đội			
Khoản vay 8	VND	1.029.431.351.660	770.578.961.161
Khoản vay 9	USD	-	79.764.999.999
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam			
Khoản vay 10	USD	325.269.962.608	128.315.091.936
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
Khoản vay 11	VND	-	894.341.373.335
Ngân hàng TMCP An Bình			
Khoản vay 12	USD	529.374.865.825	433.497.690.959
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam			
Khoản vay 13	VND	561.500.918.161	166.665.685.684
Ngân hàng TMCP Tiên Phong			
Khoản vay 14	USD	-	332.823.634.893
		6.831.894.847.293	6.036.432.585.285

Trong năm, các khoản vay trên chịu lãi suất năm từ 3,7% đến 5,5% (2016: 2,4% đến 5,5%) cho các khoản vay bằng VND và từ 1,4% đến 3,5% (2016: 1,4% đến 5%) cho các khoản vay bằng USD.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay 1 và 2 từ HDBank, một bên liên quan, được bảo đảm bằng các tài sản:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	300.000.000.000	175.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay 2 cũng được bảo đảm bởi khoản thu phát sinh từ hoạt động bán vé máy bay trong tương lai với giá trị ước tính là 1.440 tỷ.

- (ii) Khoản vay 3 và 4 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	267.181.519.500	137.930.296.755

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	LIBOR 6 tháng + 2,7%	2017 – 2028	692.237.334.322	760.794.559.644
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))				(65.332.050.000)	(65.954.260.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				626.905.284.322	694.840.299.644

Số dư nợ gốc vay này được hoàn trả trong 24 kỳ 6 tháng, mỗi kỳ trả 1,4 triệu USD (tương đương 33 tỷ VND) và kỳ cuối cùng trả 1,5 triệu USD (tương đương 35 tỷ VND) vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc số 24012017/HDNT/MB-VJ ngày 24 tháng 1 năm 2017 giữa Tập đoàn và bên cho vay, Tập đoàn đã tham gia vào giao dịch hoán đổi tiền tệ và lãi suất với bên cho vay theo tỷ lệ của khoản vay nhằm quản trị ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá và lãi suất của khoản vay này. Dựa trên Hợp đồng này, Tập đoàn sẽ nhận USD từ bên cho vay để thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi liên quan; và trả VND tương đương cho bên cho vay theo tỷ giá cố định là 22.575 VND/USD và lãi suất năm cố định là 7,5% cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 1 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2019. Các khoản thanh toán được thực hiện vào cuối mỗi kỳ sáu tháng và ngày thanh toán đầu tiên là ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này bằng tài sản như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Máy bay số hiệu A320 MSN7167, VNA675 (Thuyết minh 11)	851.835.624.577	888.585.171.422

22. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.915.553.224.444	291.990.315.177	5.207.543.539.621
Dự phòng lập trong năm	2.840.102.738.976	151.733.786.930	2.991.836.525.906
Giá trị thời gian của đồng tiền đã được chiết khấu	241.173.031.919	36.407.219.860	277.580.251.779
Dự phòng sử dụng trong năm	(632.601.776.460)	-	(632.601.776.460)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(12.880.007.412)	-	(12.880.007.412)
Số dư cuối năm	7.351.347.211.467	480.131.321.967	7.831.478.533.434
Ngắn hạn	1.467.013.337.869	-	1.467.013.337.869
Dài hạn	5.884.333.873.598	480.131.321.967	6.364.465.195.565
	7.351.347.211.467	480.131.321.967	7.831.478.533.434

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	2.368.124.035
Dự phòng phải trả	1.419.594.372.900	520.754.353.962
Chi phí phải trả ngắn hạn	41.976.111.780	3.431.299.184
	1.461.570.484.680	526.553.777.181
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(852.802.825.175)	(296.989.479.112)
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	(748.423.357.259)	(300.136.250.581)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(7.890.623.290)	(11.899.387.210)
	(1.609.116.805.724)	(609.025.116.903)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(147.546.321.044)	(82.471.339.722)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.450.000.000.000	-	10.578.470.043	685.722.725.515	1.139.084.792	2.147.440.280.350
Tăng vốn bằng cách phát hành cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	978.500.000.000	-	-	(978.500.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	571.500.000.000	-	-	(500.000.000.000)	-	571.500.000.000
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(500.000.000.000)	-	(500.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.495.640.185.684	346.857.245	2.495.987.042.929
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	19.094.854.360	-	-	19.094.854.360
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.000.000.000.000	-	29.673.324.403	1.702.862.911.199	1.485.942.037	4.734.022.177.639
Phát hành cổ phiếu phổ thông	223.880.600.000	1.535.501.732.805	-	-	-	1.759.382.332.805
Tăng vốn bằng cách cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh 25)	1.289.552.240.000	(1.289.552.240.000)	-	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 26)	-	-	-	(967.164.180.000)	-	(967.164.180.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.073.364.224.380	287.189.318	5.073.651.413.698
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	(5.757.226.031)	-	-	(5.757.226.031)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.513.432.840.000	245.949.492.805	23.916.098.372	5.809.062.955.579	1.773.131.355	10.594.134.518.111

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt/ đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	451.343.284	4.513.432.840.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	451.343.284	4.513.432.840.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền (*)	22.388.060	223.880.600.000	7.150.000	71.500.000.000
Phát hành cổ tức bằng cổ phiếu (**)	128.955.224	1.289.552.240.000	97.850.000	978.500.000.000
Phát hành cổ phiếu cản trừ với cổ tức bằng tiền trong năm	-	-	50.000.000	500.000.000.000
Số dư cuối năm	451.343.284	4.513.432.840.000	300.000.000	3.000.000.000.000

(*) Ngày 5 tháng 1 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phát hành 22.388.060 cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Hoa Hướng Dương Sunny, một bên liên quan, theo giá là 84.600 VND mỗi cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã phát hành số cổ phiếu mới cho cổ đông này vào ngày 17 tháng 3 năm 2017.

(**) Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt tăng vốn cổ phần từ 3.223 tỷ VND lên 4.513 tỷ VND bằng cách phát hành cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 40 cổ phiếu mới cho mỗi 100 cổ phiếu hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Cổ tức

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2017 và ngày 6 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền lần lượt là 322.388 triệu VND (1.000 VND mỗi cổ phiếu) và 644.776 triệu VND (2.000 VND mỗi cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	4.894.901.836.920	3.329.553.590.024
Trong vòng 2 đến 5 năm	18.313.664.866.549	11.786.025.592.691
Sau 5 năm	22.347.046.275.866	12.974.577.948.968
	45.555.612.979.335	28.090.157.131.683

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	262.781.900	5.955.951.758.740	95.442.767	2.168.459.663.514

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	462.500.000.000	462.500.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (**)	3.825.000.000.000	3.825.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.287.500.000.000	4.287.500.000.000

(i) Ngoài các cam kết trên, Tập đoàn cũng có các thỏa thuận và hợp đồng cam kết sau:

Mua máy bay và phụ tùng và các dịch vụ bảo trì liên quan

Tập đoàn ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 119 máy bay và với Boeing Company để mua 100 máy bay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã nhận được 42 chiếc máy bay, các máy bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Tập đoàn từ năm 2018 đến năm 2023.

Theo các hợp đồng mua bán máy bay, các cam kết của Tập đoàn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 liên quan đến các khoản thanh toán trước khi giao các máy bay còn lại (bao gồm động cơ) là 682 triệu USD (đối với các máy bay Airbus) và 1.052 triệu USD (đối với các máy bay Boeing).

Tập đoàn đặt mua 20 động cơ cho 10 máy bay mới từ CFM International S.A. Thỏa thuận này cũng bao gồm một thỏa thuận cung cấp dịch vụ bảo trì dài hạn có giá trị là 580 triệu USD theo bảng giá hiện tại. Ngoài ra, Tập đoàn cũng ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với CFM International S.A để mua 3 động cơ máy bay thay thế và với United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division) để mua 9 động cơ máy bay thay thế.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn ký một thỏa thuận với Honeywell Aviation Services cho 98 bộ phát năng lượng tự động cho các máy bay A320. Thỏa thuận này kéo dài đến năm 2022 và bao gồm dịch vụ bảo trì cho 12 năm. Thỏa thuận này có giá trị là 180 triệu USD theo bảng giá hiện tại.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn ký một thỏa thuận bảo trì 12 năm với CFM International S.A để bảo trì các động cơ cho các máy bay Boeing 737 MAX được giao từ năm 2019 đến năm 2023. Thỏa thuận này có giá trị 3,5 tỷ USD theo bảng giá hiện tại và bao gồm 215 động cơ.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hỗ trợ tài chính

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn ký một bản ghi nhớ cung cấp tài chính cho các máy bay với GE Capital Aviation Services với giá trị là 1 tỷ USD. GE Capital Aviation Services sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty, mua và tham gia vào thỏa thuận bán và cho thuê lại 10 máy bay.

Ngày 5 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã ký một thỏa thuận chiến lược với Mitsubishi UFJ Lease and Finance Co., Ltd để cung cấp tài chính mua ba máy bay với giá trị là 348 triệu USD.

- (ii) Khoản cam kết này liên quan đến việc phát triển Trung tâm Công nghệ Hàng Không VietJet tại Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017	2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	10.783.474.944.053	8.646.255.772.294
▪ Quốc tế	2.424.393.916.235	801.915.629.801
▪ Cho thuê chuyến bay và cho thuê ướm máy bay	3.646.261.365.525	2.719.886.832.505
	<hr/>	<hr/>
	16.854.130.225.813	12.168.058.234.600
Doanh thu hoạt động phụ trợ	5.477.049.982.320	3.552.923.831.576
Doanh thu từ cho thuê khô máy bay	96.564.199.433	56.914.200.000
Doanh thu khác	121.011.531.840	139.450.521.121
Doanh thu từ bán máy bay	19.754.002.338.400	11.581.949.450.340
	<hr/>	<hr/>
	42.302.758.277.806	27.499.296.237.637
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(185.595.188)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	42.302.572.682.618	27.499.296.237.637
	<hr/>	<hr/>
Trong đó:		
▪ Doanh thu từ thuần cung cấp dịch vụ hàng không	22.548.570.344.218	15.917.346.787.297
▪ Doanh thu thuần từ bán máy bay	19.754.002.338.400	11.581.949.450.340
	<hr/>	<hr/>
	42.302.572.682.618	27.499.296.237.637
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	1.657.602.015.834	1.123.517.651.781
Chi phí khối khai thác bay	14.391.284.367.610	10.866.887.021.349
Chi phí khối kỹ thuật	1.443.536.341.114	737.044.632.260
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	30.578.861.088	20.575.056.630
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	127.121.920.018	84.883.338.007
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.391.067.072.313	668.100.803.990
Chi phí khác	358.271.541.055	41.120.606.588
Giá vốn của máy bay đã bán	16.353.713.767.669	10.055.330.283.951
	<hr/>	<hr/>
	35.753.175.886.701	23.597.459.394.556
	<hr/>	<hr/>
Trong đó:		
▪ Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ hàng không	19.399.462.119.032	13.542.129.110.605
▪ Tổng giá vốn của máy bay đã bán	16.353.713.767.669	10.055.330.283.951
	<hr/>	<hr/>
	35.753.175.886.701	23.597.459.394.556
	<hr/>	<hr/>

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	70.603.613.358	55.494.512.525
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	44.210.712.206	37.428.630.925
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	50.494.265.652
Cổ tức	3.068.690.000	1.180.266.000
Thu nhập tài chính khác	800.800.000	58.665.034
	<hr/>	<hr/>
	118.683.815.564	144.656.340.136
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng phải trả	277.580.251.779	442.283.153.862
Chi phí lãi vay	237.597.428.875	180.732.739.883
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	30.932.661.211
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.586.837.437	-
	520.764.518.091	653.948.554.956

32. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí bán hàng	290.104.149.149	237.253.896.663
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	211.599.966.466	219.120.948.284
Chi phí nhân viên	66.580.045.457	57.327.184.911
Chi phí khấu hao và phân bổ	451.670.326	379.588.887
Chi phí khác	10.047.082.306	3.708.713.751
	578.782.913.704	517.790.332.496

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	97.367.937.767	81.805.573.809
Chi phí thuê văn phòng	25.244.550.872	17.887.211.429
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.088.320.891	3.001.448.201
Chi phí bảo hiểm	65.259.737	44.124.246
Chi phí khác	97.042.837.651	86.062.671.897
	225.808.906.918	188.801.029.582

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhiên liệu	8.060.241.634.646	5.369.109.087.358
Chi phí mua máy bay	16.353.713.767.669	10.055.330.283.951
Chi phí nhân viên và nhân công	2.237.138.806.620	1.736.737.890.476
Chi phí khấu hao và phân bổ	94.989.734.425	45.873.196.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.916.974.068.351	6.253.281.775.262
Chi phí khác	1.894.709.695.612	843.718.522.740

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	160.648.628.095	156.246.350.074
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.263.853.984	-
	163.912.482.079	156.246.350.074
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	52.932.915.184	50.912.671.620
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	12.142.066.138	-
	65.074.981.322	50.912.671.620
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	228.987.463.401	207.159.021.694

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu số thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.302.638.877.099	2.703.146.064.623
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.060.527.775.420	540.629.212.925
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(659.765.059.473)	(305.233.872.706)
Chi phí không được khấu trừ thuế	352.402.637	575.054.880
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	8.912.692.116	89.892.060.006
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.263.853.984	-
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	12.142.066.138	-
Ưu đãi thuế	(196.446.267.421)	(118.703.433.411)
	228.987.463.401	207.159.021.694

c) Thuế suất áp dụng

(i) Các công ty thành lập tại Việt Nam

Công ty cổ phần hàng không Vietjet

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa công cộng, theo các quy định và luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014) và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo (2016, 2017 và 2018).

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo

Theo các điều khoản trong các quy định và luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Các công ty thành lập tại British Virgin Islands

Vietjet Air IVB No. I Limited và Vietjet Air IVB No. II Limited

Thu nhập hoặc lợi nhuận tại British Virgin Islands không chịu thuế.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty thành lập tại Singapore

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế.

(iv) Công ty thành lập tại Ireland

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 12,5% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	5.073.364.224.380	2.495.640.185.684

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	2017	2016
		Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	300.000.000	145.000.000
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2016	-	111.685.616
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2017	128.955.224	120.000.000
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu bằng tiền trong năm	17.787.774	3.643.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	446.742.998	380.329.178

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại để trình bày ảnh hưởng của việc phát hành cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Các cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Phát hành cổ phiếu phổ thông	1.894.029.876.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	7.613.132.376.000	1.180.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	54.601.970.070	10.663.536.965
Các khoản vay	3.551.832.052.518	758.722.469.930
Chi phí lãi vay	6.914.005.671	5.960.878.899
Dịch vụ đã cung cấp	13.584.156.988	47.478.830.795
Chi phí dịch vụ tư vấn	1.975.600.000	4.379.100.000
Công ty liên kết		
Chi phí chi hộ	178.391.832.252	414.042.387.138
Dịch vụ đã cung cấp	124.219.932.630	62.758.730.595
Đầu tư góp vốn	-	60.000.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu chi trả bằng vốn chủ sở hữu	124.096.200.000	-
Thù lao và lương	15.986.506.107	13.109.379.578
Các bên liên quan khác		
Bán máy bay	2.314.686.000.000	-
Trả trước chi phí dịch vụ tư vấn	442.728.000.000	-
Dịch vụ đã cung cấp	259.838.194.701	110.351.533.077
Chi phí thuê máy bay	18.115.812.000	-
Đặt cọc thuê máy bay	36.064.548.000	-
Trả trước cho việc xây dựng văn phòng	14.601.834.620	-
Thu nhập từ các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	-	14.841.666.667

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

38. Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu chi trả bằng vốn chủ sở hữu

Công ty có kế hoạch thanh toán trên cơ sở cổ phiếu chi trả bằng vốn chủ sở hữu để thưởng cho các nhân viên dựa trên đánh giá chuyên môn của các nhân viên đó. Kế hoạch phát hành cổ phiếu này phải được chấp thuận bởi các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Vào tháng 5 năm 2016, Công ty đã phát hành 7.150.000 cổ phiếu cho một cổ đông được chỉ định theo mệnh giá. Theo đó, vào ngày 12 tháng 1 năm 2017, số cổ phiếu đã phát hành trước đó cho cổ đông được chỉ định đã được cấp cho các nhân viên được lựa chọn của Công ty theo Chương trình lựa chọn cổ phiếu cho người lao động.

39. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2017	2016
	VND	VND
Tặng vốn bằng cách phát hành cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần hoặc lợi nhuận chưa phân phối	1.289.552.240.000	978.500.000.000
Cán trừ tiền thu từ phát hành cổ phiếu với cổ tức bằng tiền	-	500.000.000.000
Cán trừ phải trả mua tài sản cố định với phải thu ngắn hạn khác	497.848.193.400	-

40. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

(a) Cổ tức công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 9 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền giữa niên độ cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ 1.000 VND cho mỗi cổ phiếu. Tổng giá trị cổ tức bằng tiền giữa niên độ được phê duyệt là 451.343 triệu VND.

(b) Chấm dứt hợp đồng tư vấn

Trong quý 4 năm 2017, Tập đoàn đã trả 442.728 triệu VND (tương đương 19,5 triệu USD) cho một hợp đồng dịch vụ tư vấn kỹ với Angelica Holding Limited, một bên liên quan khác ở nước ngoài cho các dịch vụ quản lý nhận máy bay, dịch vụ quản lý hệ thống và tư liệu, và dịch vụ tư vấn kỹ thuật hoàn trả tài sản thuê với tổng giá trị hợp đồng là 816.948 triệu VND (tương đương 36 triệu USD). Khoản tiền này được ghi nhận trong trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 7(a)). Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, vào ngày 16 tháng 4 năm 2018, Tập đoàn và bên liên quan này đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng tư vấn này, theo đó, hai bên cùng đồng ý Tập đoàn không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào đối với hợp đồng tư vấn này tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng. Đồng thời, bên liên quan cũng đồng ý hoàn trả khoản tiền trả trước này và Tập đoàn đã nhận được khoản thanh toán này vào ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

